

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SƠN DƯƠNG  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HS-ST  
Ngày 02/6/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Hồng Chiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Thanh Nghệ và bà Nguyễn Thị Thu Thủy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hà Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 80/2021/TLST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2021/HSST-QĐ ngày 19/05/2021 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn H**, sinh ngày 24/6/1979 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 1/12, dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1947 và bà Lê Thị Ch, sinh năm 1952; vợ: Đào Thị Th, sinh năm 1977; con: 03 con: con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Anh chị em ruột: 04 người, bị cáo là thứ hai; Tiền sự: không

Tiền án:

+ Bản án số 03/2017/HSST ngày 14/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Văn H. 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp 7.027.000 đồng). Phải bồi thường dân sự 1.816.166 đồng, truy thu 465.000 đồng, chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST có giá ngạch, 200.000 đồng án phí HSST. Ngày 1/8/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Bản án số 52/2018/HSST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Văn H. 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản trộm cắp 162.000 đồng), chịu 200.000 đồng án phí HSST, ngày 26/3/2019 thi hành xong án phí, ngày 13/8/2018 thi hành xong hình phạt tù.

+ Bản án số 06/2020/HSST ngày 20/2/2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Văn H. 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản trộm cắp 360.000 đồng). Chịu 200.000 đồng án phí HSST. Ngày 4/5/2020 thi hành xong án phí, ngày 16/6/2020 chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 391/QĐ-XPVPHC ngày 17/12/2019 của Trưởng công an huyện S, xử phạt Nguyễn Văn H. 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái pháp chất ma túy. Ngày 3/1/2020 thi hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

**2. Nguyễn Công D**, sinh ngày 28/11/1974, tại S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông : Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1933; con bà Dương Thị V, sinh năm 1938; vợ: Phạm Kim Th, sinh năm 1978; con: 02 con: con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2017; Anh chị em ruột: 06 người, bị cáo là thứ năm. Tiền sự: Không

Tiền án: Bản án số 52/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, xử phạt Nguyễn Công D. 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Chịu 200.000 đồng án phí HSST. Ngày 1/3/2019 thi hành xong án phí, ngày 14/11/2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Công D. 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 23/12/2014 thi hành xong.

+ Bản án số 47/2015/HSST ngày 26/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt Nguyễn Công D. 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (giá trị tài sản trộm cắp là 1.177.500 đồng), chịu 200.000 đồng án phí HSST. Ngày 28/9/2015 thi hành xong án phí, ngày 3/10/2015 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

\* *Bị hại:* Bà **Lý Thị S1.**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh **Nguyễn Xuân H1.**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 11/3/2021, bị cáo Nguyễn Văn H. rủ bị cáo Nguyễn Công D. đi mua ma túy về sử dụng, D. đồng ý. H. điều khiển xe mô tô của H. đi đến nhà D, sau đó D. điều khiển xe Honda Lead biển số 22B2-601.13 (xe của vợ D. là Phạm Kim

Th, sinh năm 1978 trú cùng địa chỉ) chở H. đi mua ma túy về sử dụng, khi đến thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang các bị cáo nhìn thấy 01 xe đạp điện màu sơn đỏ, nhãn hiệu KTBike, loại 133S9 của bà Lý Thị S1. đang để ven đường, quan sát không thấy có người, các bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên bán lấy tiền mua ma túy về để sử dụng. D. dùng xe mô tô cách vị trí chiếc xe đạp điện khoảng 5 - 6m, H. xuống xe trộm cắp chiếc xe đạp điện và nhấc lên đặt giữa yên xe mô tô sau đó lên xe ngồi phía sau giữ, D. điều khiển xe mô tô chở chiếc xe đạp điện ra cửa hàng thu mua sắt vụn L. thuộc thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, tại đây cả hai bán chiếc xe đạp điện cho anh Nguyễn Xuân H1. được 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Khi mua xe, Nguyễn Xuân H1. không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi bán được xe, các bị cáo đã dùng 1.000.000 đồng đi đến khu vực cây xăng thuộc ngã ba xã S, huyện Sơn Dương mua ma túy về sử dụng hết, còn 500.000 đồng cả hai chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 13/3/2021 tại Công an xã T, huyện S, tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Công D, kết quả (+) dương tính, có chất ma túy trong cơ thể các bị cáo H. và Dân.

Tại kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 13/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S. kết luận: 01 xe đạp điện màu sơn đỏ, nhãn hiệu KTBike, loại 133S9, trị giá 6.533.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKSSD ngày 06 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H. và Nguyễn Công D. về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Công D. phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật Hình sự; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H.: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H. từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù; Bị cáo Nguyễn Công D. từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (13/3/2021)

Về dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật Dân sự: Các bị cáo có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Nguyễn Xuân H1. số tiền mua xe 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo và buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Khi nói lời sau

cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại bà Lý Thị S1. khai tại cơ quan điều tra (BL số 143-149) thể hiện: Ngày 11/3/2021 bà có bị mất 01 xe đạp điện màu sơn đỏ, nhãn hiệu KTBike, loại 133S9. Bà đã đi tìm và phát hiện bị cáo Nguyễn Công D. có hành vi trộm cắp xe của bà nên đã báo Công an xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giải quyết. Về dân sự bà đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về hành vi của các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Xuân H1. khai tại cơ quan điều tra (BL số 154-162) thể hiện: Ngày 11/3/2021 anh ra cửa hàng thu mua sắt vụn L. chơi, thấy có 02 thanh niên mua xe đạp điện, do cần mua xe cho con đi học nên anh có hỏi giá cả và nguồn gốc xe thì 1 thanh niên bảo nguồn gốc xe là của gia đình vì cần tiền gấp nên bán xe. Sau khi anh thanh niên cam đoan xe của gia đình thì anh đã đồng ý mua với giá thỏa thuận là 1.500.000 đồng. Anh đã trả đủ tiền và nhận xe. Ngày 13/3/2021 anh được Cơ quan Công an thông báo là xe do phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao nộp xe cho cơ quan Công an. Nay anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường trả lại cho anh số tiền mua xe là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H. và bị cáo Nguyễn Công D. tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 11/3/2021, tại thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Các bị cáo Nguyễn Văn H. và Nguyễn Công D. đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện màu sơn đỏ, nhãn hiệu KTBike, loại 133S9 trị giá 6.533.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng) của bà Lý Thị S1..

Các bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Vì không có tiền chi tiêu cá nhân nên đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe đạp điện để lấy tiền, giá trị tài sản bị chiếm đoạt đủ định lượng cấu thành tội phạm. Hành vi của các bị cáo được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Công D. có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, bố để bị cáo H. là ông Nguyễn Văn D. Là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về mức án đối với các bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu để trộm cắp. Hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cải tạo bản thân còn tiếp tục phạm tội mới. Vì vậy, cần có mức án nghiêm khắc tương xứng hành vi phạm tội mới cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về dân sự: Bà Lý Thị S1. đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Anh Nguyễn Xuân H1. yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền mua xe 1.500.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí hoàn trả lại số tiền trên theo yêu cầu của anh H1.. Việc các bị cáo nhất trí trả tiền cho anh H1. là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX ghi nhận và tuyên các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Công D. có nghĩa vụ liên đới trả lại cho anh Nguyễn Xuân H1. số tiền mua xe 1.500.000 đồng, chia ra mỗi bị cáo phải trả cho anh H1. 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[5] Về vật chứng: Ngày 13/3/2021, CQCSĐT Công an huyện Sơn Dương đã tạm giữ của Nguyễn Xuân H1. 01 xe đạp điện màu sơn đỏ, nhãn hiệu KTBike, loại 133S9. Ngày 30/3/2021 CQCSĐT đã trả lại xe cho chủ sở hữu là bà Lý Thị S1., do vậy, HĐXX không xem xét.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với chị Phạm Kim Th. không biết bị cáo Nguyễn Công D. lấy xe Honda Lead biển số 22B2-601.13 của chị đi sử dụng làm phương tiện phạm tội; anh Nguyễn Xuân H1. khi mua xe đạp điện không biết là tài sản do phạm tội mà có; cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo ngày 11/3/2021, Công an huyện Sơn Dương đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 142, 143/QĐ-XPVPHC ngày 22/4/2021, phạt tiền 750.000 đồng.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho các bị cáo ở khu vực ngã ba xã S, huyện S. do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý

Do vậy, HĐXX không xem xét.

[7] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Công D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, tổng cộng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H.:

- Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Công D. phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H. 01** (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (13/3/2021).

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Công D. 01** (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (13/3/2021).

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 Bộ luật Dân sự.

Các bị cáo Nguyễn Văn H. và Nguyễn Công D. có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Xuân H1. số tiền mua xe là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), chia ra mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh H1. số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Căn cứ vào: Điều 331, Điều 333 - Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1.4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Công D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, tổng cộng 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi*

*hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã H;
- UBND xã T.;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Hồng Chiến**